

Số: 03/2020/QĐST- KDTM

Thái Nguyên, ngày 04 tháng 6 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 357; Điều 468 BLDS năm 2015; Điều 50 Luật thương mại năm 2005;

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 27 tháng 5 năm 2020 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 10/2020/ TLST - KDTM ngày 11 tháng 5 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”.

XÉT THẤY

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Công ty cổ phần xi măng Q

Địa chỉ trụ sở: Xã A, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện theo pháp luật: Ông Trần Việt C- Chức vụ: Giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Ông Văn Trọng T, sinh năm 1976- Chức vụ: Phó Giám Đốc.

* **Bị đơn:** Công ty TNHH vật liệu P

Đại diện theo pháp luật: Bà Cao Thị H, sinh năm 1981- Chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ: Nhà số 34, ngách 62, ngõ 272, đường 3/2, tổ 10B phường T, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về nghĩa vụ thanh toán: Công ty TNHH vật liệu P sẽ có trách nhiệm trả nợ cho Công ty Cổ phần Xi măng Q số tiền là 290.137.500 đồng (Hai trăm chín mươi triệu, một trăm ba mươi bảy nghìn, năm trăm đồng) theo Hợp đồng

mua bán số 99/2018/HĐ-ĐL ngày 28/12/2017, không bao gồm lãi suất và phạt vi phạm hợp đồng.

2.2. Phương thức thanh toán: Trả một lần ngay sau khi Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chậm thi hành án thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357; Khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

2.3. Án phí: Công ty TNHH vật liệu P nộp tiền án phí là 7.253.437 đồng (*Bảy triệu hai trăm năm mươi ba nghìn bốn trăm ba mươi bảy đồng*) sung quỹ nhà nước. Hoàn lại cho Công ty Cổ phần Xi măng Q tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.250.000 đồng (*Bảy triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*) theo Biên lai thu số 0002976 ngày 11/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên
- VKSND TP. Thái Nguyên;
- Chi cục THADS TP. Thái Nguyên;
- Các đương sự;
- Lưu: HS.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Tú Xuân

